

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 25/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Nguyễn Thị Vân, cán bộ hưu trí huyện Ứng Hòa

Ông Đặng Viết Côi, cán bộ hưu trí huyện Ứng Hòa

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Kim Lành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở toà án nhân dân huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 30/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo: **NGUYỄN MẠNH T**, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1991; nơi sinh và cư trú : Thôn N, xã M, huyện Ú, thành phố Hà Nội; quốc tịch : Việt Nam; dân tộc : Kinh; tôn giáo : Không; trình độ học vấn : 12/12; nghề nghiệp : Lao động tự do; con ông : Nguyễn Đình N, sinh năm 1965; con bà : Chu Thị T, sinh năm 1965; vợ : Mai Thị V, sinh năm 1990; con : Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự : Không; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/3/2019 đến ngày 30/3/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp “Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại : Anh Kiều Văn T, sinh năm 1994; trú tại : Thôn B, xã M, huyện U, TP Hà Nội, vắng mặt.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1965; trú tại : Thôn N, xã M, huyện Ú, TP Hà Nội, vắng mặt;

+ Anh Trương Văn S, sinh năm 1984; trú tại : Thôn G, xã P, huyện P, TP Hà Nội, có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; trú tại : Thôn B, xã M, huyện U, TP Hà Nội, vắng mặt;

+ Chị Mai Thị V, sinh năm 1990; trú tại : Thôn N, xã M, huyện U, TP Hà Nội, có mặt;

- *Những người làm chứng* : Chị Kiều Thị T, sinh năm 1984; trú tại : Thôn T, xã M, huyện T, TP Hà Nội, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau : Khoảng 11 giờ ngày 24/3/2019, Nguyễn Mạnh T điều khiển xe máy Wave anpha, biển kiểm soát: 29Y3- 293.29 chở bạn là Trương Văn S ở Rẽ Hạ, Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội để đi ăn cỗ ở Châu Can, Phú Xuyên; ăn xong, Tuấn và S tiếp tục đi uống bia đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì S đưa ví cho T để thanh toán tiền, thanh toán xong T cầm ví của S, sau đó T trở S về nhà S rồi T đi về khi đi đến thôn Bùng, Minh Đức, Ứng Hòa thấy ở vệ đường có đám cưới của anh Kiều Văn T, T nảy sinh ý định vào lấy trộm phong bì tiền mừng đám cưới để tiêu sài; T dừng xe dựng ở vệ đường gần cổng đám cưới rồi đi bộ vào sân, thấy mọi người đang tổ chức đón dâu, T đi thẳng qua cửa ngách vào phòng ngủ của bà Nguyễn Thị L (là mẹ của anh T) ở phía bên trái hướng từ ngoài vào, trong phòng không có ai, T đi đến chỗ tủ đứng bằng gỗ ép màu trắng sữa, dùng tay mở cánh cửa tủ bên trái ra (cửa không khóa) thấy bên trong có nhiều quần áo, ở phía dưới đáy có một ngăn kéo nhỏ đóng khóa, T dùng các đầu ngón tay phải bấm vào khe hở phía mép trên cửa ngăn kéo giật mạnh về phía mình thì cửa ngăn kéo bung ra, cùng lúc túi ni lông màu xanh đựng nhiều phong bì mừng đám cưới cũng từ ngăn kéo rơi ra nền nhà, một số phong bì văng ra khỏi túi ni lông rơi ra ngoài; T dùng tay nhặt để lấy trộm thì lúc này bà L đi vào phát hiện đã ôm ghì, giữ T và cùng mọi người giữ T. Sau đó, bà Lanh gọi điện thoại báo Công an xã Minh Đức đến lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với T. Đồng thời lập biên bản kiểm tra số phong bì tiền mừng đám cưới trong túi ni lông màu xanh có 137 chiếc. Trong đó, có 06 chiếc phong bì anh Kiều Văn T đã bóc lấy tiền trước khi bị mất trộm, còn 131 chiếc phong bì chưa bóc vẫn còn tiền bên trong, kiểm đếm được tổng số tiền là 42.100.000đ (*bốn mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 ví da màu đen, bên trong ví có 2.360.000 đồng, 01 giấy phép lái xe máy số 010046033573 và 01 thẻ ATM – Agribank đều mang tên Trương Văn S (Thu trong quá trình bắt giữ Tuấn).

- 01 xe máy Wave anpha, biển kiểm soát: 29Y3 – 293.29 do ông Nguyễn Đình N (bố bị can T) tự nguyện giao nộp.

Với hành vi nêu trên, tại bản Cáo trạng số : 30/CT - VKS ngày 23/5/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà truy đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh T về tội : “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa :

- Bị cáo nhận tội như nội dung nêu trên;

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố cả về tội danh nội dung cũng như điều luật, khoản áp dụng như trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 51; các Điều 15, 65 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội : Trộm cắp tài sản, xử phạt bị cáo T từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự; về trách nhiệm dân sự : Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì nên không giải quyết trong vụ án; về án phí áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, những người làm chứng, người tham gia tố tụng khác .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1] Tại cơ quan điều tra cũng như phiên tòa bị cáo nhận tội như nội dung bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa đã nêu; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với những tài liệu khác được cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận : Chiều ngày 24/3/2019 Nguyễn Mạnh T lợi dụng sự sơ hở là ngày cưới của anh Kiều Văn T có đông khách đến dự, đã lén lút vào nhà cạy cửa ngăn kéo tủ gỗ, mục đích tìm phong bì tiền mừng đám cưới để trộm cắp và đã tìm thấy 01 túi ni lông màu xanh có 131 phong bì, bên trong có tổng số tiền 42.100.000 đồng (Tiền mừng cưới của anh T), khi đang lấy thì bị phát hiện bắt quả tang.

[2] Bằng hành vi nén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá nêu trên của Nguyễn Mạnh T, việc bị cáo chưa lấy được số tiền trên là ngoài ý muốn của bị cáo vì bị phát hiện và bắt giữ. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi của bị cáo đã cấu thành tội : Trộm cắp tài sản, nhưng theo quy định tại Điều 15 Bộ luật hình sự thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt – tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, vì vậy Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố bị cáo về tội danh, điều khoản luật áp dụng như nêu trong bản Cáo trạng là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhất thời phạm tội, chưa chiếm đoạt được tài sản nên chưa gây thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và áp về mức hình phạt đối người phạm tội chưa đạt tại Điều 57 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ không có tình tiết tăng nặng. Căn cứ Nghị quyết 01/2013/ NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng

xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho cải tạo ngoài xã hội, giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và cũng cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội, đồng thời phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và cũng thể hiện được nguyên tắc khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự.

[4] Hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tòa không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng :

- Số phong bì bị cáo lấy trộm sau khi kiểm đếm được 42.100.000 đồng, ngay sau đó đã giao lại cho người bị hại anh Kiều Văn T, anh T đã nhận đầy đủ và không có đề nghị gì nên được ghi nhận trong vụ án;

- Đối với chiếc ví da màu đen, cùng số tiền 2.360.000 đồng, 01 giấy phép lái xe máy số 010046033573 và 01 thẻ ATM – Agribank, sau khi điều tra xác định là tài sản của anh Trương Văn S đưa cho T lúc uống bia ở Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam để thanh toán, xong Tuấn chưa trả cho S, nên không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả các tài sản trên cho anh S là phù hợp quy định pháp luật;

- Đối với chiếc xe máy Wave anpha, biển kiểm soát : 29Y3 – 293.29 là Nguyễn Đình N (Bố T) đã cho tiền bị cáo, bị cáo mua và đứng tên việc T dùng xe đi trộm cắp tài sản chị Mai Thị V (Vợ T) không biết, xe không chuyên dùng vào việc phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho ông N để giao cho bị cáo, vì vậy không quyết định trong vụ án.

[6] Về án phí, quyền kháng cáo : Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm - Theo Điều 135;136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng : Khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 65, 15, 48 và khoản 1, 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh T phạm tội : Trộm cắp tài sản (Chưa đạt).

2. Về hình phạt : Xử phạt Nguyễn Mạnh T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án (25/6/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh T cho Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo

Tuần thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự : Xác nhận anh Kiều Văn T đã nhận lại tài sản là số tiền 42.100.000 đồng và không có yêu cầu gì khác.

4. Về án phí : Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, anh Trương Văn S, chị Mai Thị V. Kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú hoặc giao hợp lệ đối với anh Kiều Văn T, ông Nguyễn Đình N, bà Nguyễn Thị L (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình)./.

Nơi nhận :

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND; Công an huyện Ứng Hòa;
- Chi cục T.H.ADS huyện Ứng Hoà;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Niêm yết tại UBND xã M, huyện U;
- Lưu : Hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Trung